

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ HÀ THÀNH GROUP

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ HÀ THÀNH GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA THANH GROUP TRADING AND SERVICES DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110380548

**3. Ngày thành lập:** 09/06/2023

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Cụm 2, Xã Duyên Thái, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0385196886

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Không bao gồm hoạt động của các đấu giá viên)                                                             | 4610     |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Trừ bán buôn dược phẩm)                                                                                   | 4649     |
| 3.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                | 4669     |
| 4.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(trừ hợp báo)                                                                                       | 8230     |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá) | 8299     |
| 6.  | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                   | 8531     |
| 7.  | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                | 8532     |
| 8.  | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                 | 8533     |
| 9.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Dạy máy tính.                                | 8559     |
| 10. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học                                                                            | 8560     |

|     |                                                                                                                                                                                                                |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                     | 6810        |
| 12. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>(Trừ đấu giá)<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản;<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản;                                           | 6820(Chính) |
| 13. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)                                                                                                 | 7020        |
| 14. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                   | 4690        |
| 15. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ đấu giá )                                                                                                                                      | 4791        |
| 16. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ đấu giá )                                                                                                                                                 | 4799        |
| 17. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi;<br>Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;<br>Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô                  | 4932        |
| 18. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lưu trú                                                                                                                                              | 5510        |
| 19. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                                                                                             | 5590        |
| 20. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);                                                                                         | 5610        |
| 21. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                       | 5621        |
| 22. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                           | 5629        |
| 23. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(trừ kinh doanh quán bar)                                                                                                                                                           | 5630        |
| 24. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ Trung tâm dịch vụ việc làm) | 7810        |
| 25. | Cung ứng lao động tạm thời<br>Chi tiết: Hoạt động dịch vụ việc làm                                                                                                                                             | 7820        |

|     |                                                                                                |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 26. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết:<br>Hoạt động cho thuê lại lao động             | 7830 |
| 27. | Đại lý du lịch                                                                                 | 7911 |
| 28. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh lữ hành nội địa<br>Kinh doanh lữ hành quốc tế | 7912 |
| 29. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch            | 7990 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 200.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông             | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>HUY<br>TRƯỜNG | Thôn 8 Minh Phú,<br>Xã Vân Hội,<br>Huyện Trấn Yên,<br>Tỉnh Yên Bái,<br>Việt Nam    | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 140.000       | 1.400.000.000            | 70,000       | 0150950040<br>86                                                                                                       |            |
|     |                         |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                    | Tổng số                            | 140.000       | 1.400.000.000            | 70,000       |                                                                                                                        |            |

|   |                   |                                                                        |                           |        |             |        |              |  |
|---|-------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|--|
| 2 | ĐẶNG VĂN CHIẾN    | Cụm 2, Xã Duyên Thái, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam     | Cổ phần phổ thông         | 40.000 | 400.000.000 | 20,000 | 001082002859 |  |
|   |                   |                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                   |                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                   |                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                   |                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                   |                                                                        | Tổng số                   | 40.000 | 400.000.000 | 20,000 |              |  |
| 3 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG | Thôn Đồng Diễm, Xã Thanh Vân, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 20.000 | 200.000.000 | 10,000 | 024195013547 |  |
|   |                   |                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                   |                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                   |                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                   |                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                   |                                                                        | Tổng số                   | 20.000 | 200.000.000 | 10,000 |              |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN HUY TRƯỜNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *10/12/1995*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *015095004086*

Ngày cấp: *12/05/2021*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn 8 Minh Phú, Xã Vân Hội, Huyện Trấn Yên, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn 8 Minh Phú, Xã Vân Hội, Huyện Trấn Yên, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội